

Số 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-02-2018

V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H Thị Thuận.

2. Ông Trần Văn Trọng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:**
Không tham gia

Ngày 07 tháng 2 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 293/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa:

1-Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố H, Thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu.

2-Bị đơn: Ông Phạm Thanh V, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: khu phố H, Thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn P giấy đăng ký kết hôn số 313 quyển số 01/2014 ngày 29 tháng 10 năm 2014, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông V cờ bạc, nợ nần, bà H phải bỏ tiền ra thanh toán nợ cho ông V rất nhiều lần. Khoảng tháng 3/2017 ông V tiếp tục gây nợ nần và bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, từ ngày sống ly thân không gặp nhau hòa giải hàn gắn. .

Về con chung: Có một người Phạm Thanh T, sinh ngày 13-10-2015; hiện đang sống cùng bà H, tình trạng sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông V; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 12 tháng 01 năm 2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông V trình bày: Ông V thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung cũng như việc ông V cờ bạc gây ra nợ nần. Ông V đã năn nỉ van xin bà H để vợ chồng đoàn tụ sinh sống nhưng bà H không chấp nhận, mâu thuẫn không có gì trầm trọng, ông V còn thương vợ con nên không chấp nhận ly hôn, ông V hứa sẽ sửa đổi không cờ bạc nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]- *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà H và ông V là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà H và ông V xảy ra mâu thuẫn, theo bà H là do ông V cờ bạc nợ nần nhiều lần, từ tháng 03-2017 hai bên đã sống ly thân. Ông V thừa nhận có cờ bạc và bỏ nhà đi, nhưng không chấp nhận ly hôn, không có biện pháp hòa giải để hàn gắn, không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ không có thiện chí để hòa giải hàn

gắn gia đình. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2]- *Về nuôi con chung*: Bà H và ông V có một người con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 13-10-2015, giao cho bà H được quyền nuôi dưỡng cháu Tuyền theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[3]- *Về tài sản chung, nợ chung*: Theo bà H không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nên bà H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[5] – *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H, bà H được ly hôn với ông Phạm Thanh V.

2. Về con chung: Bà Phan Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Phạm Thanh T, sinh ngày 13-10-2015; bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà H, ông V điều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông V được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. *Về nợ chung:* Không có

5. *Về án phí:* Bà Phan Thị H phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007568 ngày 11-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN TIẾN

